TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2025/KDTM-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Thái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Bùi Diệu Huệ**;

2. Bà **Kiều Thị Thanh Nguyên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Thanh Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà **Hồ Thị Vân** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2024/TLST–KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2024 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 546/2025/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V;

Địa chỉ: số X, L, phường Đ, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương G B;

Địa chỉ: Tầng 1, số 96, đường C, phường B, Thành phố M. (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất thương mại H T;

Địa chỉ: số 62, đường G, phường T, Thành phố M.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức T, sinh năm 19xx; chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: A602, Chung cư H, số 31, T, phường B, Thành phố M. (vắng mặt)

Bà Quách Thị Kim H, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: số 958/15H, đường L, phường E , Thành phố M. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2024 và các Bản tự khai nộp cho Toà án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là V) trình bày:

Công ty TNHH sản xuất thương mại H T (sau đây gọi tắt là Công ty H T) có vay vốn tại V theo các Hợp đồng như sau:

- Hợp đồng cho vay số: CLC-617-3791047-HANMUC-01 ngày 30/5/2023 với số tiền cho vay là 500.000.000; thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng; thời hạn duy trì hạn mức cho vay từng lần tối đa không vượt quá 6 tháng. Thời hạn cụ thể được quy định trong khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan tại mỗi lần khách hàng nhận nợ vốn vay; Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động buôn bán sắt, thép.

Đối với khoản vay trên, V đã giải ngân qua khế ước nhận nợ số: 161023-3791047-ONL-7 ngày 16/10/2023 với số tiền 500.000.000 đồng; thời hạn cho vay 06 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 15,30%/năm; lãi suất cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần.

- Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: CLC-617-3791047-THAUCHI-02 ngày 30/5/2023 với số tiền cho vay là 950.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức thấu chỉ là 12 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 18%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì Hạn mức vay thấu chi. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động buôn bán sắt, thép.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN không có tài sản bảo đảm ngày 02/08/2023, hạn mức 82.500.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động buôn bán sắt, thép. Thời hạn hạn mức thẻ tín dụng là: 60 tháng. Lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng là: 32%/năm lãi suất thẻ tín dụng trong hạn này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định của ngân hàng theo từng thời kỳ.

Các khoản vay trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Đức T theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-617-3791047-C-01 và bà Quách Thị Kim H theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-617-3791047-C-02 ngày 30/05/2023. Khoản tín dụng cấp cho Công ty H T không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Quá trình sử dụng vốn vay, Công ty H T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty H T để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty H T cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Tạm tính đến hết ngày 30/9/2025, Công ty H T còn nợ 2.131.470.353 đồng, cụ thể:

Đối với Hợp đồng hạn mức: nợ gốc là 499.999.666 đồng; nợ lãi là 168.882.203 đồng;

Đối với Hợp đồng thấu chi: nợ gốc là 948.349.889 đồng; nợ lãi là 362.377.472 đồng;

Đối với Hợp đồng thẻ: nợ gốc là 81.728.651 đồng; nợ lãi là 70.132.472 đồng; V yêu cầu Công ty H T phải trả số tiền này ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Yêu cầu Công ty H T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ.

Trường hợp Công ty H T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu buộc bên bảo lãnh là ông Nguyễn Đức T và bà Quách Thị Kim H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số: Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-617-3791047-C-01 và Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-617-3791047-C-02 ngày 30/05/2023

Quá trình giải quyết vụ án, do người đại diện của Công ty H T và ông T, bà H không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên không thể ghi nhận được ý kiến của những người này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ vốn lãi tính đến ngày 30/9/2025 là 2.131.470.353 đồng, cụ thể:

Đối với Hợp đồng số CLC-617-3791047-HANMUC-01: nợ vốn gốc là 499.999.666 đồng; nợ lãi là 168.882.203 đồng;

Đối với Hợp đồng số CLC-617-3791047-THAUCHI-02: nợ vốn gốc là 948.349.889 đồng; nợ lãi là 362.377.472 đồng;

Đối với Hợp đồng thẻ: nợ vốn gốc là 81.728.651 đồng; nợ lãi là 70.132.472 đồng.

Buộc Công ty H T tiếp tục thanh toán thêm tiền lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký và Bản điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế áp dụng cho KHDN cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ; trường hợp Công ty H T không thanh toán hoặc

thanh toán không đầy đủ thì ông Nguyễn Đức T và bà Quách Thị Kim H phải có trách nhiệm thanh toán thay cho Công ty H T theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng quy định về quá trình thụ lý và giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục và trình tự phiên tòa quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty H T, có trụ sở tại phường T, Thành phố M, nên căn cứ Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của V, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nợ vốn: Xét, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp, gồm: Hợp đồng cho vay số: CLC-617-3791047-HANMUC-01 ngày 30/5/2023; khế ước nhận nợ số: 161023-3791047-ONL-7 ngày 16/10/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: CLC-617-3791047-THAUCHI-02 ngày 30/5/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN không có tài sản bảo đảm ngày 02/08/2023 và Bảng kê tính lãi, phí đã có đủ cơ sở xác định:

Đối với Hợp đồng số: CLC-617-3791047-HANMUC-01: Công ty H T có vay và được V giải ngân 500.000.000 đồng; thời hạn cho vay 06 tháng;

Đối với Hợp đồng số: CLC-617-3791047-THAUCHI-02: Công ty H T có vay và được V giải ngân 950.000.000 đồng; thời hạn cho vay 12 tháng;

Bên cạnh đó, V còn cấp thẻ tín dụng cho Công ty H T hạn mức là 82.500.000 đồng;

Các khoản vay nêu trên đều có mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động buôn bán sắt, thép và được ông Nguyễn Đức T và bà Quách Thị Kim H bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-617-3791047-C-01 và số: CLC-617-3791047-C-02 ngày 30/05/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay nên V khởi kiện yêu cầu Công ty H T trả tiền nợ vốn là có cơ sở; do đó cần chấp nhận yêu cầu và buộc Công ty H T phải trả cho V tiền vốn còn nợ tính đến ngày xét xử (30/9/2025), bao gồm:

Đối với Hợp đồng số CLC-617-3791047-HANMUC-01: 499.999.666 đồng;

Đối với Hợp đồng số CLC-617-3791047-THAUCHI-02: 948.349.889 đồng;

Đối với Hợp đồng thẻ: 81.728.651 đồng;

Tổng số tiền nợ vốn, Công ty H T phải thanh toán cho V là 1.530.078.206 đồng.

Về nợ lãi: Do Công ty H T vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thoả thuận và nợ lãi mà V yêu cầu bị đơn phải thanh toán được xác định theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cho vay số: CLC-617-3791047-HANMUC-01 ngày 30/5/2023; khế ước nhận nợ số: 161023-3791047-ONL-7 ngày 16/10/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: CLC-617-3791047-THAUCHI-02 ngày 30/5/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 do đó cần xem xét chấp nhận, buộc Công ty H T phải thanh toán cho V nợ lãi tính đến ngày xét xử vụ án (30/9/2025) như sau:

Đối với Hợp đồng số CLC-617-3791047-HANMUC-01: 168.882.203 đồng;

Đối với Hợp đồng số CLC-617-3791047-THAUCHI-02: 362.377.472 đồng;

Đối với Hợp đồng thẻ: 70.132.472 đồng;

Tổng số tiền nợ lãi, Công ty H T phải thanh toán cho V là 601.392.147 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ của Hợp đồng số CLC-617-3791047-HANMUC-01, Hợp đồng số CLC-617-3791047-THAUCHI-02 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp, Công ty H T phải trả cho V là 2.131.470.353 đồng; phải thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu của V về việc buộc Công ty H T phải thanh toán thêm tiền lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký và Bản điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế áp dụng cho KHDN cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ; trường hợp Công ty H T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông Nguyễn Đức T và bà Quách Thị Kim H phải có trách nhiệm thanh toán thay cho Công ty H T theo hợp đồng bảo lãnh đã ký là có căn cứ, xét chấp nhận.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Công ty H T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- V không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V:

1.1 Buộc Công ty TNHH sản xuất thương mại H T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 2.131.470.353 (hai tỷ một trăm ba mươi một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn ba trăm năm mươi ba) đồng, trong đó:

- Đối với Hợp đồng số CLC-617-3791047-HANMUC-01: nợ vốn gốc là 499.999.666 đồng; nợ lãi là 168.882.203 đồng;

- Đối với Hợp đồng số CLC-617-3791047-THAUCHI-02: nợ vốn gốc là 948.349.889 đồng; nợ lãi là 362.377.472 đồng;

- Đối với Hợp đồng thẻ: nợ vốn gốc là 81.728.651 đồng; nợ lãi là 70.132.472 đồng.

Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử nếu Công ty TNHH sản xuất thương mại H T chưa thanh toán khoản tiền nợ thì Công ty TNHH sản xuất thương mại H T còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo thỏa

thuận của các bên tại Hợp đồng cho vay số: CLC-617-3791047-HANMUC-01 ngày 30/5/2023; khế ước nhận nợ số: 161023-3791047-ONL-7 ngày 16/10/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: CLC-617-3791047-THAUCHI-02 ngày 30/5/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 02/08/2023 và Bản điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế áp dụng cho KHDN tại thời điểm thi hành tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

1.3. Trường hợp Công ty TNHH sản xuất thương mại H T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V thì buộc ông Nguyễn Đức T và bà Quách Thị Kim H liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-617-3791047-C-01 và số: CLC-617-3791047-C-02 ngày 30/05/2023.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Buộc Công ty TNHH sản xuất thương mại H T phải chịu 74.629.407 (bảy mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm lẻ bảy) đồng án phí kinh doanh sơ thẩm;

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 30.181.849 (ba mươi triệu một trăm tám mươi một nghìn tám trăm bốn mươi chín) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0048004 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND khu vực 9-TP.HCM;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP.HCM;
- Lưu: HS + VT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Thái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Thái